

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mực nước lên nhanh.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biến đổi chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/5 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-45cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/5 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 15-60cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên nhanh. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/5 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-20cm và cao hơn TBNN từ 05-30cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại trạm Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 04/5 tại trạm Xẻo Rô ở mức 63cm, cao hơn 7cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất có khả năng lên nhanh do ảnh hưởng của mưa nội vùng đến ngày 07/5, sau xuống chậm.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 07/5/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng		So với		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	05/5		04/05		kỳ 2025		TBNN		06/5	07/5	08/5	09/5	10/5
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	129	2	▲	16	▲	36	▲	126	121	117	111	113
					Hmin	-24	1	▲	16	▲	-11	▼	-20	-25	-30	-36	-42
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	138	3	▲	18	▲	44	▲	136	131	127	121	123
					Hmin	-37	2	▲	18	▲	2	▲	-33	-38	-43	-49	-55
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	115	5	▲	20	▲	22	▲	116	114	112	110	108
					Hmin	28	-4	▼	29	▲	9	▲	27	25	23	21	19
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	144	4	▲	12	▲	45	▲	141	136	132	126	128
					Hmin	-29	12	▲	11	▲	-10	▼	-25	-30	-35	-41	-47
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	158	7	▲	26	▲	59	▲	156	151	147	141	144
					Hmin	-34	2	▲	14	▲	16	▲	-30	-35	-40	-46	-52
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	139	4	▲	16	▲	41	▲	137	132	128	122	124
					Hmin	-35	1	▲	16	▲	-4	▼	-31	-36	-41	-47	-53
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	34	8	▲	-13	▼	6	▲	36	41	40	39	38
					Hmin	2	6	▲	-17	▼	-1	▼	7	12	11	10	9
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	25	10	▲	-16	▼	3	▲	27	32	31	30	29
					Hmin	12	7	▲	-19	▼	-6	▼	17	22	21	20	19
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	29	6	▲	-18	▼	-9	▼	31	36	35	34	33
					Hmin	21	6	▲	-17	▼	-10	▼	26	31	30	29	28
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	31	6	▲	-18	▼	-5	▼	33	38	37	36	35
					Hmin	22	6	▲	-18	▼	-7	▼	27	32	31	30	29
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	38	7	▲	-17	▼	-2	▼	40	45	44	43	42
					Hmin	29	6	▲	-16	▼	-5	▼	34	39	38	37	36
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	45	13	▲	-9	▼	16	▲	52	57	56	55	54
					Hmin	7	4	▲	-13	▼	1	▲	13	17	16	15	14
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	57	12	▲	-11	▼	27	▲	64	69	68	67	66
					Hmin	35	4	▲	-9	▼	16	▲	41	45	44	43	42
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	53	12	▲	-6	▼	11	▲	60	65	64	63	62
					Hmin	32	4	▲	-15	▼	0	◀▶	38	42	41	40	39
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	39	8	▲	0	◀▶	23	▲	46	51	50	49	48
					Hmin	25	5	▲	1	▲	16	▲	30	35	34	33	32
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	76	11	▲	-7	▼	29	▲	83	88	87	86	85
					Hmin	50	3	▲	-5	▼	20	▲	55	60	59	58	57
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	110	14	▲	9	▲	46	▲	117	122	121	120	119
					Hmin	41	-3	▼	-4	▼	11	▲	46	51	50	49	48
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	80	15	▲	0	◀▶	29	▲	87	92	91	90	89
					Hmin	40	3	▲	-4	▼	8	▲	45	50	49	48	47
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	61	14	▲	-5	▼	14	▲	68	73	72	71	70
					Hmin	38	3	▲	-2	▼	7	▲	43	48	47	46	45
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	44	10	▲	-6	▼	14	▲	51	56	55	54	53
					Hmin	29	3	▲	-1	▼	18	▲	34	39	38	37	36

Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	23	8	▲	-7	▼	-5	▼	25	27	29	27	25
					Hmin	9	20	▲	15	▲	35	▲	10	11	12	11	10
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	63	7	▲	30	▲	30	▲	70	69	67	64	59
					Hmin	-38	-1	▼	-5	▼	-2	▼	-40	-39	-36	-33	-29

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





